

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Tân Biên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2022, UBND huyện Tân Biên ban hành Quyết định số 7813/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn huyện Tân Biên, gồm:

1. Dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo chỉ tiêu:	170.890 triệu đồng
- Thu cân đối:	170.890 triệu đồng
2. Dự toán chi ngân sách địa phương:	389.740 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	47.030 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	334.929 triệu đồng
- Quỹ dự phòng	7.781 triệu đồng

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH: (Có phụ biểu kèm theo)

1. Thu tính vào chỉ tiêu:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính vào chỉ tiêu thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 là 123.057 triệu đồng, đạt 72,01% so với dự toán, tăng 40,68% so với cùng kỳ.

a. Phân theo khoản thu, sắc thuế:

- **Có 6/9 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2022 (50,00%):**
Thuế thu nhập cá nhân đạt 106,87% (27.785/26.000 triệu đồng); Thu phí, lệ phí, phí môn bài đạt 85,05% (2.807/3.300 triệu đồng); Thu lệ phí trước bạ đạt 85,05% (9.781/11.500 triệu đồng); Thu từ quỹ đất, hoa lợi tại xã đạt 80,66% (153/190 triệu đồng); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 74,76% (75/100 triệu đồng); Thu thuế công thương nghiệp đạt 71,46% (63.602/89.000 triệu đồng) (Trong đó: Thuế giá trị gia tăng đạt 57.971/82.680 triệu đồng, đạt 70,12% so với dự toán).

Có 3/9 khoản thu không đạt tiến độ dự toán năm 2022 (dưới 50,00%):
Thu khác ngân sách đạt 41,83% (4.183/10.000 triệu đồng); Thu tiền sử dụng đất

đạt 44,82% (13.313/29.700 triệu đồng); Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước đạt 25,87% (285/1.100 triệu đồng).

b. Thu ngân sách phân theo đơn vị:

- Khối huyện:

Có 02/04 đơn vị thu đạt tiến độ dự toán năm 2022: Chi cục Thuế thu đạt 82,34% (101.439/123.200 triệu đồng); Phòng Tài chính – Kế hoạch thu đạt 75,16% (1.503/1.000 triệu đồng).

Có 02/04 đơn vị thu không đạt tiến độ dự toán năm 2022: Phòng Tài nguyên – Môi trường thu đạt 44,15% (13.597/30.800 triệu đồng); Công an huyện thu đạt 21,65% (1.082/5.000 triệu đồng).

- Khối xã:

+ Có 9/10 xã, thị trấn thu vượt tiến độ dự toán năm 2022 (trên 50%): xã Thạnh Bắc thu đạt 277,75% (473/145 triệu đồng); xã Tân Phong thu đạt 108,72% (614/565 triệu đồng); xã Hòa Hiệp thu đạt 102,14% (414/405 triệu đồng); xã Thạnh Tây thu đạt 74,99% (626/835 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 74,98% (416/555 triệu đồng); xã Tân Bình thu đạt 72,77% (193/265 triệu đồng); xã Thạnh Bình thu đạt 65,88% (471/715 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 62,19% (756/1.215 triệu đồng); xã Mỏ Công thu đạt 53,81% (622/1.155 triệu đồng).

+ Có 01/10 xã, thị trấn thu không đạt tiến độ dự toán năm 2022 (dưới 50%): Thị trấn thu đạt 43,04% (1.736/4.035 triệu đồng).

2. Số thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: là 324.933 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu bổ sung cân đối trong kế hoạch 2021:	143.020 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu trong kế hoạch 2021:	710 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu ngoài kế hoạch:	181.203 triệu đồng.
. <i>Bổ sung chi thường xuyên</i>	<i>6.203 triệu đồng.</i>
. <i>Bổ sung chi đầu tư XDCB</i>	<i>175.000 triệu đồng.</i>

3. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp 6 tháng năm 2022: (Không bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp trên):

- Thu cân đối ngân sách cấp huyện: 151.543/214.360 triệu đồng, đạt 70,70% dự toán.

+ Thu từ DN, HTX do tỉnh quản lý thu điều tiết cho huyện: 55.724/80.120 triệu đồng, đạt 69,55% dự toán.

+ Thu điều tiết từ các khoản thu được giao chỉ tiêu: 95.819/134.240 triệu đồng, đạt 71,38% dự toán.

- Thu cân đối ngân sách cấp xã:

+ Có 10/10 xã thu cân đối đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2022 (50%): xã Thạnh Bình thu đạt 125,07% (5.385/4.360 triệu đồng); xã Hòa Hiệp thu đạt

98,90% (4.406/4.455 triệu đồng); Thạnh Bắc thu đạt 103,44% (1.406/1.359 triệu đồng); xã Tân Bình thu đạt 111,30% (1.004/902 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 86,66% (1.968/2.271 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 113,80% (1.232/1.083 triệu đồng); xã Tân Phong thu đạt 72,11% (5.310/7.363 triệu đồng); xã Thạnh Tây thu đạt 65,26% (1.513/2.319 triệu đồng); xã Mỏ Công thu đạt 88,08% (1.597/1.813 triệu đồng); Thị trấn thu đạt 52,69% (3.045/5.779 triệu đồng).

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 là 338.145/436.620 triệu đồng, đạt 77,45% dự toán, tăng 21,03% so với cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách

Tổng chi cân đối ngân sách thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 là 311.757/389.740 triệu đồng, đạt 79,99% dự toán, tăng 19,13% so với cùng kỳ:

1.1 Chi ngân sách cấp huyện:

Thực hiện chi ngân sách cấp huyện 6 tháng đầu năm 2022 là: 274.319/311.210 triệu đồng, đạt 88,15% dự toán, tăng 20,19% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 159.818/46.030 triệu đồng, đạt 347,21% dự toán, tăng 30,16% so với cùng kỳ.
- Chi thường xuyên là: 114.500/248.053 triệu đồng, đạt 44,21% dự toán, tăng 8,57% so với cùng kỳ.

1.2. Chi ngân sách cấp xã – thị trấn:

Thực hiện chi ngân sách cấp xã, thị trấn 6 tháng đầu năm 2022 là: 37.437/78.530 triệu đồng, đạt 47,67% dự toán, tăng 11,93% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 0/1.000 triệu đồng, đạt 0% dự toán.
- Chi thường xuyên là: 37.437/75.963 triệu đồng, đạt 49,28% dự toán, tăng 17,39% so với cùng kỳ.

2. Chi bổ sung ngân sách xã:

Thực hiện chi bổ sung ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022 là 26.388 triệu đồng, đạt 56,29% so với dự toán, tăng 49,19% so với cùng kỳ.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ THU, CHI NGÂN SÁCH:

1. Về thu ngân sách:

Tình hình công tác thuế trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt kết quả rất khả quan, thu NSNN hàng tháng đều hoàn thành và vượt rất cao so kế hoạch tháng đã đề ra, lũy kế 6 tháng hoàn thành 72,01% dự toán năm 2022, tăng 40,68% so cùng kỳ năm 2021. Có 6/9 khoản thu đạt tiến độ, trong số đó có 3 khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dự toán vừa đạt tiến độ dự toán vừa tăng so cùng kỳ, cụ thể:

thuế CTN-NQD chiếm 52,08% dự toán, thu đạt 71,46%, tăng 22,26% so cùng kỳ; thuế thu nhập cá nhân chiếm 15,21% dự toán, hoàn thành và vượt 6,87% dự toán năm 2022, tăng 71,52% so cùng kỳ; thu lệ phí trước bạ chiếm 6,73% dự toán, thu đạt 85,05%, tăng 76,65% so cùng kỳ.

Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp cũng đạt được kết quả rất cao, ngân sách huyện và 10/10 xã, thị trấn đều thu vượt tiến độ dự toán. Kết quả thu 6 tháng đầu năm 2022 đạt 178.409/246.010 triệu đồng, đạt 72,52% dự toán, vượt 12,52% so với tiến độ thu bình quân.

Nguyên nhân một số khoản thu lớn vượt tiến độ dự toán và tăng cao so cùng kỳ:

- Về thuế CTN-NQD: Các chính sách hỗ trợ, miễn, giảm, gia hạn nộp thuế của Quốc hội, Chính phủ đã giúp cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất trong năm 2021, tạo rất nhiều thuận lợi để doanh nghiệp mạnh dạn mở rộng đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh trong những tháng đầu năm 2022.

- Về thuế TNCN và LPTB: Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, xuyên suốt của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện trong việc triển khai thực hiện các giải pháp khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách trên địa bàn, nhất là việc chống thất thu thuế trong hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản. Kịp thời chỉ đạo các ngành chức năng có liên quan phối hợp thực hiện tốt việc vận động người dân kê khai giá chuyển nhượng bất động sản trên hợp đồng theo giá thực tế chuyển nhượng đúng theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 438/BTC-VP ngày 12/01/2022.

Bên cạnh những thuận lợi, kết quả đã đạt được, vẫn còn những khó khăn, hạn chế làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác thuế như sau:

- Có 3/9 khoản thu đạt thấp, 02/04 đơn vị huyện, 01/10 xã, thị trấn chưa đảm bảo được tiến độ dự toán bình quân.

2. Về chi NSNN:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng chế tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán theo đúng tiến độ. Số chi ngân sách nhà nước tăng cao so với cùng kỳ là do thực hiện một số nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 chuyển sang năm 2022 và một số nhiệm vụ tình bổ sung trong năm.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2022 của UBND huyện Tân Biên.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VP.HĐND-UBND huyện



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện 6 tháng năm 2022	So sánh thực hiện với	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm 2021
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	170.890	123.057	72,01	140,68
I	Thu nội địa	170.890	123.057	72,01	140,68
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	389.740	510.939	131,10	124,50
I	Thu cân đối ngân sách	246.010	178.409	72,52	154,73
1	Các khoản thu huyện hưởng 100%	39.860	20.742	52,04	192,00
2	Các khoản thu phân chia ngân sách huyện theo tỷ lệ %	206.150	157.667	76,48	150,88
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	143.730	252.392	175,60	109,62
1	Bổ sung cân đối	143.020	71.508	50,00	98,63
2	Bổ sung có mục tiêu	710	180.884	25.476,58	114,68
III	Thu kết dư	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		80.138		123,58
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	405.870	311.757	76,81	119,13
I	Tổng chi cân đối từ nguồn ngân sách địa phương	389.740	169.125	43,39	115,58
1	Chi đầu tư phát triển	47.030	23.712	50,42	149,78
2	Chi thường xuyên	334.929	145.413	43,42	111,43
3	Dự phòng ngân sách	7.781		-	
4	Chi tạo lập quỹ CCTL				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	16.130	142.632	884,26	123,64

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm 2021
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	170.890	123.057	72,01	140,68
I	Thu nội địa	170.890	123.057	72,01	140,68
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	89.000	63.602	71,46	122,26
4	Thuế thu nhập cá nhân	26.000	27.785	106,87	171,51
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	11.500	9.781	85,05	176,65
7	Thu phí, lệ phí	3.300	2.807	85,06	135,21
8	Các khoản thu về nhà, đất	30.900	14.746	47,72	249,13
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		1.073		212,06
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	75	75,00	88,24
-	Thu tiền sử dụng đất	29.700	13.313	44,82	279,45
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.100	285	25,91	50,53
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	10.000	4.183	41,83	74,27
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	190	153	80,53	173,86
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	208.540	178.409	85,55	154,73
1	Từ các khoản thu phân chia	171.080	157.667	92,16	150,88
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	37.460	20.742	55,37	192,00

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2022	Cùng kỳ năm 2021
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	389.740	311.757	79,99	119,13
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	389.030	169.125	43,47	115,58
I	Chi đầu tư phát triển	47.030	23.712	50,42	149,78
1	Chi đầu tư cho các dự án	40.690	23.312	57,29	151,07
2	Chi đầu tư phát triển khác	6.340	400	6,31	100,00
II	Chi thường xuyên	334.219	145.413	43,51	111,43
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	173.320	71.782	41,42	102,20
2	Chi khoa học và công nghệ	130	1	0,77	200,00
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.748	946	54,09	101,76
4	Chi văn hóa thông tin	4.879	1.255	25,72	218,59
5	Chi phát thanh, truyền hình	770	174	22,61	69,78
6	Chi thể dục thể thao	768	547	71,25	224,30
7	Chi bảo vệ môi trường	3.630	1.065	29,35	116,73
8	Chi hoạt động kinh tế	23.006	5.504	23,92	131,57
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	70.232	32.987	46,97	110,65
10	Chi bảo đảm xã hội	23.157	16.873	72,86	191,11
III	Dự phòng ngân sách	7.781	-	-	
IV	Chi tạo nguồn CCTL	-			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	710	142.632	20.088,97	123,64
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	36.003		75,57
	<i>Vốn đầu tư</i>		35.443		74,76
	<i>Vốn sự nghiệp</i>		561		241,62
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	-	100.664		164,76
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	710	5.964	840,06	90,04